TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2017/HNGĐ - ST
Ngày 17 tháng 8 năm 2017
V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Sinh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hồng Phúc
Bà Nguyễn Thị Huân.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên toà: Ông Phan Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 127/2017/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐXX - ST ngày 14 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1967 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn 5 L, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phan Thị Kim Liên -Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Gi, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn 8, xã Tr, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2017, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đỗ Văn T trình bày:

Ông kết hôn với bà Lê Thị Gi năm 1992, có được tìm hiểu, tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đăng ký kết hôn. Do lâu ngày nên ông không còn giữ được giấy đăng ký kết hôn, Ủy ban nhân dân xã Y cũng không giữ được sổ lưu năm 1992 nên không cung cấp cho ông bản sao

được. Sau ngày cưới bà Gi về làm dâu và ở chung cùng gia đình ông. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn. Khoảng cuối năm 1993 bà Gi tự ý bỏ nhà đi không nói gì với ông. Ông đã đến nhà mẹ đẻ bà Gi ở xã Trung Hà để hỏi tin tức của bà Gi nhưng từ đó đến nay không có tin tức gì. Do bà Gi bỏ đi đã lâu không có tin tức gì nên ông đã đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc tuyên bố bà Lê Thị Gi mất tích. Tại Quyết định số 01/2017/QĐ-GQVDS ngày 26/5/2017, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc đã tuyên bố bà Lê Thị Gi, sinh năm 1959 mất tích. Kể từ ngày Tòa án tuyên bố bà Gi mất tích đến nay ông cũng không thấy bà Gi trở về nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn bà Gi.

Về con chung: Vợ chồng không có.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ ông T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lê Thị Gi vắng mặt: Tại Quyết định số 01/2017/QĐ- GQVDS ngày 26/5/2017 Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc tuyên bố bà Lê Thị Gi mất tích từ đó đến nay bà Gi cũng không về và không có tin tức gì.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T vắng mặt gửi luận cứ bảo vệ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm về tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật. Ông T thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, bà Gi không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình. Bị đơn bà Lê Thị Gi đã bị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc tuyên bố mất tích. Theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về quan hệ tranh chấp: Cuộc hôn nhân giữa ông Đỗ Văn T và bà Lê Thị Gi là tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tiến bộ.

Về tình cảm: Sau kết hôn ông T, bà Gi chỉ có thời gian ngắn khoảng hơn 01 năm chung sống hòa thuận hạnh phúc. Sau đó bà Gi tự ý bỏ đi không nói gì cho ông T biết, ông T đã đi tìm nhiều nơi nhưng không thấy và đã đề nghị Tòa án tuyên bố bà Lê Thị Gi mất tích, kể từ đó đến nay cũng không có tin tức gì của

bà Gi. Vợ chồng đã hơn hai mươi năm không chung sống cùng nhau. Nay ông T xin ly hôn bà Gi là có căn cứ, vì vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

Về con chung: Ông T trình bày vợ chồng không có con chung. Xác minh tại địa phương xã Yên Phương thì từ năm 1993 bà Gi bỏ đi, địa phương xác nhận bà Gi, ông T không có con chung. Bà Gi không có mặt tại địa phương nên cũng không có căn cứ xác định vợ chồng có con chung hay không. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Khi nào bà Gi trở về có yêu cầu Tòa án giải quyết bằng việc kiện dân sự khác.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà Gi không đến Tòa không rõ quan điểm ra sao nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Ông T là người khuyết tật và có đơn đề nghị miễn giảm án phí, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì ông T thuộc trường hợp được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1, Về hôn nhân: Cho ông Đỗ Văn T được ly hôn bà Lê Thị Gi.

2,Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Đỗ Văn T. Ông Đỗ Văn T được hoàn trả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/ 0001731 ngày 26/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ông T có mặt có quyền kháng cáo bản án. Bà Gi vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Phương (để vào sổ hộ tịch)
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Công Sinh